TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51/2026/QĐST-HNGĐ	

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 71, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Ông **Phạm Ngọc S** sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Đường H, thôn C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà **Nguyễn Thị Thạch T** sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Đường H, thôn C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thạch T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay. Nay ông bà xác định không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thạch T.

[2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Ngọc L sinh ngày 07/11/2012. Hiện nay con đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị Thạch T trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc L sinh ngày 07/11/2012 cho đến ngày con chung thành niên.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Phạm Ngọc S cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2026 cho đến ngày con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thạch T xác định tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông Phạm Ngọc S nhận nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thạch T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Thạch T trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Ngọc L sinh ngày 07/11/2012 cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông Phạm Ngọc S cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2026 cho đến ngày con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông Phạm Ngọc S nhận nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Phạm Ngọc S, bà Nguyễn Thị Thạch T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001152 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (người nộp tiền bà Nguyễn Thị V nộp thay).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực B – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) (Số 352, quyển số 02/2011, đăng ký ngày 31/10/2011);
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Phượng Diễm